

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-PT
Ngày 29-3-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2021/TLPT-DS ngày 15 ngày 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2021/QĐ-PT ngày 16/3/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 20/2021/TB-TA ngày 30/3/2021; Quyết định tạm ngừng số 41/2021/QĐPT-DS ngày 06/5/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 25/2021/TB-TA ngày 21/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2021/QĐ-PT ngày 03/6/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 36/TB-TA ngày 08/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã , huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số B, khu phố A, phường P, thị xã Th (nay là thành phố Th), tỉnh Bình Dương; địa chỉ mới: Khu phố V, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018), có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (đã chết theo Trích lục khai tử số 1149/TLKT-BS ngày 17/12/2021).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964;
2. Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1989;
3. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1992;
4. Chị Nguyễn Thị Phương C, sinh năm 1993;
5. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1995;
6. Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1997;
7. Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: Số C, tổ I, Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đ: Ông Hồ Xuân H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu dân cư T, tổ V, khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2022), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975; địa chỉ: Số K, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim T2 và bà Nguyễn Thị T3: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số B, khu phố A, phường P, thị xã Th (nay là thành phố Th), tỉnh Bình Dương; địa chỉ mới: Khu phố V, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018), có mặt.

4. Ông Phạm Hồng Đ1, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã , huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã , huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Đức T4; sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã , huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ H, Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

8. Bà Phạm Thị Mộng T5, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã , huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

9. Bà Phạm Thị Kim L1, sinh năm 1977; địa chỉ: Số B, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái M - Chức vụ: Chủ tịch, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1962, địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1962, địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương theo Quyết định kháng nghị số 20/2020/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/10/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà A là ông Nguyễn Duy L trình bày:*

Về quan hệ nhân thân: Cha mẹ của bà Nguyễn Thị A là cụ Nguyễn Văn T8, sinh năm 1937 (chết năm 2016) và cụ Nguyễn Thị T9, sinh năm 1937 (chết năm 2011). Cụ T8 và cụ T9 có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969 (chết năm 2002, trước khi chết ông M chưa kết hôn với ai, không có con với ai); bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975. Ngoài 06 người con nêu trên cụ T8 và cụ T9 không có người con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ đẻ của cụ T8 và cụ T9 đều đã chết. Nguyên đơn xác định không rõ thông tin về tên tuổi, năm sinh và năm chết của cha mẹ.

Về tài sản thừa kế: Cụ Nguyễn Văn T8 và cụ Nguyễn Thị T9 lúc còn sống tạo lập được diện tích đất 348m² thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01055QSDĐ/TU ngày 22/11/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn T8. Theo kết quả đo đạc thực tế, diện tích đất còn lại là 370,6m² được thể hiện theo Mảnh trích lục địa chính số 52-2019 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bắc Tân Uyên phát hành ngày 19/3/2019. Trên phần đất có 01 căn nhà có diện tích 80m²; 01 chuồng heo diện tích 52,4m²; 01 bếp diện tích 17,5m²; 01 sân bê tông diện tích 109,3m²; hàng rào lưới B40 dài 40,9m; 02 trụ cổng và cổng sắt và một số cây ăn trái (không có giá trị). Tất cả tài sản trên nguyên đơn xác định đều do cụ T8 và cụ T9 tạo lập. Ngoài những tài sản đã nêu ở trên thì cụ T8 và cụ

T9 không còn tài sản nào khác. Các cây trồng và vật kiến trúc khác có trên đất nguyên đơn xác định không tranh chấp. Trường hợp sau này, Tòa án giải quyết giao phần đất cho ai thì người đó được hưởng cây trồng trên phần đất đó. Vào thời điểm cấp đất cho hộ cụ Nguyễn Văn T8 có 04 thành viên gồm cụ Nguyễn Văn T8, cụ Nguyễn Thị T9, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim T2. Bà A yêu cầu được quyền quản lý diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 370,6m² thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33 đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01055QSĐĐ/TU ngày 22/11/2000 và tài sản gắn liền trên đất, bà sẽ giao lại cho cho các đồng thừa kế bằng giá trị theo kết quả định giá của Tòa án.

Ngày 23/3/2020, bà A có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T8 và cụ Nguyễn Thị T9 theo pháp luật đối với diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 370,6m² thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33 đất tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01055QSĐĐ/TU ngày 22/11/2000 và tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà trên đất diện tích 80m²; 01 chuồng heo diện tích 52,4 m²; 01 bếp diện tích 17,5 m²; 01 sân bê tông diện tích 109,3 m²; hàng rào lưới B40 dài 40,9m; 02 trụ cổng và cổng sắt. Nguyên đơn yêu cầu chia đều phần di sản của cụ T8 và cụ T9 nêu trên cho 05 người gồm: Bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim T2 và bà Nguyễn Thị T3 mỗi kỹ phần sẽ là 66,82m². Do các con không ai có công sức đóng góp gì trong khối di sản nên nguyên đơn yêu cầu được nhận bằng hiện vật toàn bộ do các đồng thừa kế bà T2, bà T1, bà T3 giao lại cho bà và riêng kỹ phần của ông Đ được hưởng theo pháp luật, bà A giao lại cho ông Đ một kỹ phần bằng giá trị.

Ngày 16/3/2020, bà A có đơn khởi kiện bổ sung như sau:

Bà A xin được hưởng toàn bộ di sản theo kết quả đo đạc thực tế 370,6m² thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33 đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01055QSĐĐ/TU ngày 22/11/2000 và tài sản gắn liền trên đất, bà sẽ giao lại cho các đồng thừa kế gồm ông Đ, bà T2, bà T1, bà T3 mỗi kỹ phần là 74,12m² đất bằng giá trị (do có thay đổi về diện tích sau khi đo thực tế).

Ngày 20/3/2020, bà A có đơn khởi kiện bổ sung như sau:

Yêu cầu Tòa án tuyên bố bản di chúc do cụ T8 lập ngày 25/12/2013 được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực số 157, quyền số 02/CC-SCT/HĐGD là vô hiệu do:

Thứ nhất năm 2000, đất được cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn T8 gồm 04 thành viên như đã khai ở trên nên một mình cụ T8 không có quyền tự định đoạt toàn bộ phần đất. Thứ hai, nội dung di chúc thể hiện cụ T8 định đoạt cho ông Đ được sử dụng căn nhà là tài sản gắn liền trên đất mà không cho ông Đ được quyền sử dụng phần đất gắn liền với căn nhà là không đúng. Thứ ba, vào thời điểm lập di chúc cụ T8 đã cao tuổi, không có giấy khám sức khỏe chứng minh

việc cụ T8 lập di chúc trong điều kiện minh mẫn. Nội dung bản di chúc không rõ ràng, ngày lập bản di chúc và ngày chứng thực khác nhau.

Vì vậy, nguyên đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố cũng như yêu cầu phản tố bổ sung của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người đại diện hợp pháp ông Hồ Xuân H, trình bày:

Bị đơn thống nhất lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn T8 (chết) và cụ Nguyễn Thị T9 (chết) để lại. Theo kết quả đo đạc thực tế, diện tích đất là 370,6m² được thể hiện theo Mảnh trích lục địa chính 52-2019 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bắc Tân Uyên ký phát hành ngày 19/3/2019 là đúng. Trên phần đất có 01 căn nhà có diện tích 80m²; 01 chuồng heo diện tích 52,4m²; 01 bếp diện tích 17,5m²; 01 sân bê tông diện tích 109,3m²; hàng rào lưới B40 dài 40,9m; 02 trụ cổng và cổng sắt. Tất cả tài sản trên đều do cụ T8 và cụ T9 tạo lập, các con không có công sức đóng góp gì. Ngoài những tài sản đã nêu ở trên thì cụ T8 và bà Tý không còn tài sản nào khác. Các cây trồng và vật kiến trúc khác có trên đất bị đơn xác định không tranh chấp. Trường hợp sau này, Tòa án giải quyết giao phần đất cho ai thì người đó được hưởng cây trồng trên phần đất đó.

Về nguồn gốc, phần đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000 cho hộ cụ Nguyễn Văn T8. Thời điểm cấp đất hộ cụ T8 gồm có 03 người gồm cụ T8, cụ T9 và ông Nguyễn Văn M. Ông Minh chết năm 2002, do tai nạn, chưa có vợ con nên phần đất này thuộc quyền quản lý và sử dụng của cụ T8, cụ T9. Sau khi cụ T9 chết năm 2011, cụ T8 là người trực tiếp quản lý phần đất và nhà cửa.

Cụ T8 chết năm 2016, trước khi chết, ngày 19/02/2012, cụ T8 lập di chúc giao cho bà A hưởng toàn bộ di sản kể trên nhưng do bà A đối xử bạc đãi với cha nên năm 2013 cụ T8 có lập di chúc cho ông Nguyễn Văn Đ (là con trai duy nhất) được toàn quyền quản lý và sử dụng phần đất cũng như các tài sản gắn liền trên đất. Di chúc được đánh máy, nội dung rõ ràng, có ông Phạm Văn B và ông Nguyễn Văn T7 làm chứng, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 25/12/2013, thời điểm lập di chúc, cụ T8 hoàn toàn minh mẫn, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bản di chúc trên là hoàn toàn hợp pháp. Trong nội dung bản di chúc cũng thể hiện ý nguyện của cụ Nguyễn Văn T8 để lại tài sản cho ông Đ để đảm bảo việc thờ cúng và các người con không được tranh chấp. Để chứng minh cho lời khai, ông Đ có nộp các biên lai thu thuế và hóa đơn mai táng phí nhằm để xác định là ông Đ có chăm lo cho cụ T8 như lời cụ nêu trong di chúc (ông Đ không có yêu cầu giải quyết các khoản tiền này).

Bị đơn có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận bản Di chúc của cụ Nguyễn Văn T8 lập và được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 25/12/2013 là hợp pháp, đồng thời giao cho bị đơn ông Đ được hưởng toàn bộ phần di sản của cụ T8 để lại gồm phần đất (theo kết quả đo đạc thực tế) diện tích

370,6m² thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; 01 căn nhà trên đất diện tích 80m²; 01 chuồng heo diện tích 52,4m²; 01 bếp diện tích 17,5m²; 01 sân bê tông diện tích 109,3m²; hàng rào lưới B40 dài 40,9m; 02 trụ cổng và cổng sắt.

Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là các con của cụ T8, cụ T9) gồm bà Nguyễn Thị T1; bà Nguyễn Thị Kim T2 và bà Nguyễn Thị T3 và người đại diện hợp pháp của bà T1, bà T2, bà T3 là ông Nguyễn Duy L trình bày:*

Thông nhất về quan hệ huyết thống như bà A và ông Đ trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, yêu cầu chia di sản theo pháp luật thành 05 phần và giao cho nguyên đơn được nhận bằng hiện vật toàn bộ. Nguyên đơn có trách nhiệm hoàn lại cho 04 đồng thừa kế còn lại mỗi kỳ phần bằng giá trị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Mộng T5, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Kim L1 (con ông Phạm Văn N) trình bày:*

Các ông, bà là chủ sử dụng thửa đất số 315, tờ bản đồ 33, ông Nguyễn Ngọc C1 là chủ sử dụng thửa đất số 319, tờ bản đồ 33, ông Nguyễn Đức T4 là chủ sử dụng thửa đất 341, tờ bản đồ 33, ông Phạm Hồng Đ1 (con ông Phạm Văn K) là chủ sử dụng thửa đất 343, tờ bản đồ 33 là các hộ giáp ranh đất của cụ T8, cụ T9. Thông nhất ranh giới đất với đất của cụ Nguyễn Văn T8, không có yêu cầu gì, không tranh chấp với các con cụ T8 và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L có văn bản xin giải quyết vắng mặt, trình bày:*

Tại Văn bản số 255/UBND-TP ngày 20/9/2019, Văn bản số 72/UBND-TP ngày 31/3/2020 và Văn bản số 128/UBND-TP ngày 01/6/2020 như sau:

Ủy ban nhân dân xã đang lưu giữ hồ sơ gồm Bản di chúc đánh máy chứng thực số 157, quyển số 02-TP/CC-SCT/HĐGD; bản sao chứng minh nhân dân của cụ Nguyễn Văn T8; bản sao chứng minh nhân dân của hai người làm chứng là ông Nguyễn Văn T7 và ông Phạm Văn B; Bản di chúc viết tay có chứng thực vào ngày 24/02/2012, số 20, quyển 01- TP/CC-SCT/HĐGD.

Cụ Nguyễn Văn T8 cùng hai người làm chứng ông Nguyễn Văn T7 và ông Phạm Văn B cùng ký và điểm chỉ trước mặt công chức tư pháp xã; thời điểm chứng thực cụ Nguyễn Văn T8 nhận thức rõ hành vi của mình, tự ký và điểm chỉ, không bị ép buộc. Tại thời điểm chứng thực không có ai khiếu nại hoặc văn bản ngăn chặn của các cơ quan chức năng đối với thửa đất 346 tờ bản đồ 33 mà cụ T8 đã nêu trong di chúc.

Phần diện tích đất 1,8m² theo bản đồ địa chính thuộc phạm vi đường đất cũ hình thành trước năm 1975, được quy hoạch đường giao thông nông thôn Lạc An số 29. Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn T không đo thực tế nên có sai lệch bản đồ địa chính. Xác định diện tích đất có 01 phần con đường là do sai lệch bản đồ.

Ngày 20/9/2019, Ủy ban nhân dân xã có ban hành Công văn số 255/UBND-TP về việc cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến bản di chúc của cụ Nguyễn Văn T8. Do công chức chuyên môn khi tham mưu không đối chiếu kỹ nội dung giữa 02 bản di chúc nên ban hành Công văn số 255/UBND-TP không đúng với nội dung theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ 127/2019 ngày 08/08/2020 của Tòa án nhân dân huyện.

Qua xem xét lại 02 bản di chúc của cụ Nguyễn Văn T8, cụ thể:

- Di chúc viết tay ngày 19/02/2012 được Ủy ban nhân dân xã chứng thực số 20 quyền 01: Di sản cụ T8 thể hiện trong di chúc như sau: *“Di sản của tôi hiện có tổng diện tích là 348m² số 0939189 trong đó có một ngôi nhà cấp 4 tường gạch, lợp tôn, chiều rộng 0,8m², bề sâu 05m², tại số nhà X, tổ A ấp B, xã L - T - Bình Dương”*; cụ Nguyễn Văn T8 lập di chúc *“giao toàn bộ tài sản của tôi cho con gái là Nguyễn Thị A, sinh năm 1960”*.

- Di chúc đánh máy ngày 24/12/2013 được Ủy ban nhân dân xã chứng thực ngày 25/12/2013 số 157 quyền 02 : Di sản cụ T8 thể hiện trong di chúc như sau: *“tôi là chủ sở hữu căn nhà cấp 4 tường gạch, mái lợp tôn, nền gạch (ngang 8m², dài 05m²) thuộc thửa 346 tờ bản đồ 33 diện tích 348m² tọa lạc ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Bình Dương do UBND huyện Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 01055QSDĐ/TU ngày 22/11/2000 (số 0939189) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T8”*; cụ Nguyễn Văn T8 lập di chúc định đoạt tài sản trên như sau:

“Khi tôi qua đời, con tôi là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963, CMND số 280338297 do Công an Bình Dương cấp ngày 18/10/2004 có quyền định đoạt một căn nhà cấp 4 tường gạch, mái lợp tôn, nền gạch (ngang 8m², dài 05m²), thuộc thửa 346 tờ bản đồ 33 diện tích 348m² tọa lạc ấp B, xã L - huyện T - tỉnh Bình Dương do UBND huyện Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 01055QSDĐ/TU ngày 22/11/2000 (số 0939189) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T8” đồng thời con tôi là Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm trong nom tôi lúc ốm đau, bệnh tật và phải có trách nhiệm lo lắng khi tôi qua đời như chăm lo lễ lại, mồ mã ông, bà, cha, mẹ, tổ tiên.

- Người làm chứng ông Phạm Văn B và ông Nguyễn Văn T7 có lời trình bày:

Xác định cụ T8 lập di chúc để lại tài sản gồm nhà và đất cho ông Đ bởi vì bà A, bà T1, bà T2, bà T3 là 04 người con gái có hành vi ngược đãi, lừa dối về tiền bạc với cụ T8, riêng ông Đ là người lo lắng cho cụ T8 cho đến khi cụ chết nên cụ để lại di sản cho ông Đ là phù hợp nên xác định di chúc đánh máy ngày 24/12/2013 được Ủy ban nhân dân xã chứng thực ngày 25/12/2013 số 157, quyền 02 là có giá trị.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T8 và cụ Nguyễn Thị T9 theo pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu công nhận bản di chúc đánh máy ngày 24/12/2013 của cụ Nguyễn Văn T8 lập do Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 25/12/2013 số 157, quyền 02 TP/CC-SCT/HĐGD và về việc yêu cầu công nhận cho ông Nguyễn Văn Đ được hưởng toàn bộ di sản của cụ Nguyễn Văn T8 và cụ Nguyễn Thị T9 để lại gồm một căn nhà cấp 04 tường gạch, mái lợp tôn, nền gạch và các tài sản khác thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33 với diện tích 370,6m² và các công trình phụ và tài sản gắn liền trên đất tại ấp 02, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố Bản di chúc đánh máy ngày 24/12/2013 do Ủy ban nhân dân xã Lạc An chứng thực ngày 25/12/2013 tại số 157, quyền 02 TP/CC-SCT/HĐGD do cụ Nguyễn Văn T8 lập là vô hiệu.

3. Phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T8 và cụ Nguyễn Thị T9 theo pháp luật như sau:

Bà Nguyễn Thị A được quản lý, sử dụng thửa đất số 346 tờ bản đồ 33 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01055QSDĐ/TU ngày 22/11/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn T8 tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương có diện tích đo thực tế là 370,6m² (trong đó có 119,3m² đất thuộc HLATĐB; có 348m² đất ở (ODT) và 22,6m² đất trồng cây lâu năm gắn liền đất ở) có tứ cận: hướng Bắc giáp đường Lạc An 29; hướng Nam giáp đường Lạc An 27; hướng Đông giáp thửa đất 319, 341, 343 tờ bản đồ 33; hướng Tây giáp thửa đất số 315, 316, tờ bản đồ 33 gắn liền 01 ngôi nhà có diện tích 80m²; 01 chuồng heo diện tích 52,4m²; 01 bếp diện tích 17,5m²; 01 điện kế, 01 đồng hồ nước; 01 sân bê tông diện tích 109,3m²; hàng rào lưới B40 dài 40,9m; 02 trụ cổng, cổng sắt, trên đất có 01 cây na, 02 cây chanh, 01 cây quýt, 01 cây bưởi, 02 cây đu đủ, 01 cây cam (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà A có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01055QSDĐ/TU ngày 22/11/2000 và kê khai đăng ký xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Buộc bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm giao lại cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim T2 và bà Nguyễn Thị T3 mỗi người một kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền 123.461.600 đồng (một trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi một ngàn, sáu trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 19/10/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyết định kháng nghị phúc thẩm bản án sơ thẩm với nhận định Tòa án cấp

sơ thẩm xác định Di chúc do cụ T8 lập ngày 24/12/2013 vô hiệu là không đúng, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì di chúc trên chỉ vô hiệu một phần đối với phần di sản của cụ T9; Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ di sản cho bà A quản lý và thanh toán kỹ phần cho người khác là đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vụ án không phù hợp quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì phát sinh tình tiết mới là bản Di chúc ngày 24/5/2007, di chúc này có sự phân chia đất cho và định đoạt tài sản của cụ T8 và cụ T9 đối với phần căn nhà đang tranh chấp và phần đất hiện nay cụ T8 còn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất định đoạt cho ông Đ theo Di chúc ngày 24/5/2007. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương thay đổi kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân xã L cung cấp chứng cứ là bản photocopy bản Di chúc ngày 24/5/2007, tuy là bản photocopy nhưng các đương sự thừa nhận nội dung di chúc đã thực hiện đối với phần diện tích 3.500m², trong phần di chúc có định đoạt liên quan đến căn nhà cho ông Đ, di chúc này liên quan đến di chúc năm 2013, đồng thời còn liên quan đến phần đất 3.316m² hiện cụ T8 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Đ nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá nên không đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp có phải là tài sản của người chết, là di sản thừa kế hay tài sản của ai, để tiến hành xem xét phân chia di sản cho phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của tất cả các đồng thừa kế. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ chết theo Trích lục khai tử số 1149/TLKT-BS ngày 17/12/2021. Theo cung cấp hàng thừa kế thể hiện ông Đ có vợ là bà Nguyễn Thị Kim L cùng các con là anh Nguyễn Duy V, chị Nguyễn Thị Thùy D, chị Nguyễn Thị Phương C, chị Nguyễn Thị Cẩm T, chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Nguyễn Ngọc Q. Căn cứ vào Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa

những người có tên trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hồng Đ1, ông Nguyễn Ngọc C1, ông Nguyễn Đức T4, bà Phạm Thị Thu H, bà Phạm Thị Mộng T5, bà Phạm Thị Kim L1, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương thay đổi kháng nghị. Xét thấy, việc thay đổi nội dung kháng cáo, kháng nghị không vượt kháng cáo, kháng nghị ban đầu, phù hợp theo quy định tại Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế: Các thừa kế của cụ T8 và cụ T9 thống nhất cụ Nguyễn Văn T8, sinh năm 1937 (chết năm 2016) và cụ Nguyễn Thị T9, sinh năm 1937 (chết năm 2011). Cụ T8 và cụ T9 có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969 (không có vợ, con, chết năm 2002); bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975. Ngoài 06 người con nêu trên cụ T8 và cụ T9 không có người con riêng, con nuôi nào khác, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T8 và cụ T9 gồm bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim T2 và bà Nguyễn Thị T3 là phù hợp theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 348m² (theo đo đạc thực tế là 370,6m²) thuộc thửa 346, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã L, huyện T (nay là B), tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền trên đất gồm 01 ngôi nhà có diện tích 80m²; 01 chuồng heo diện tích 52,4m²; 01 bếp diện tích 17,5m²; 01 sân bê tông diện tích 109,3 m²; hàng rào lưới B40 dài 40,9m; 02 trụ cổng và cổng sắt theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01055QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T8 ngày 22/11/2000.

[6] Cụ T8 chết để lại các di chúc:

- Di chúc viết tay ngày 19/02/2012 được Ủy ban nhân dân xã chứng thực số 20 quyền 01: Di sản cụ T8 thể hiện trong di chúc như sau: *“Di sản của tôi hiện có tổng diện tích là 348 m² số O 939189 trong đó có một ngôi nhà cấp 4 tường gạch, lợp tôn, chiều rộng 0,8m², bề sâu 05m², tại số nhà X, tổ A ấp B, xã L -T -Bình Dương”*; cụ Nguyễn Văn T8 lập di chúc *“giao toàn bộ tài sản của tôi cho con gái là Nguyễn Thị A, sinh năm 1960”*.

- Di chúc đánh máy ngày 24/12/2013 được Ủy ban nhân dân xã chứng thực ngày 25/12/2013 số 157, quyền 02 : Di sản cụ T8 thể hiện trong di chúc

như sau: “tôi là chủ sở hữu căn nhà cấp 4 tường gạch, mái lợp tôn, nền gạch (ngang 8 m², dài 05 m²) thuộc thửa 346 tờ bản đồ 33 diện tích 348 m² tọa lạc ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Bình Dương do UBND huyện Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 01055 QSDĐ/TU ngày 22/11/2000 (số O939189) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T8”; cụ Nguyễn Văn T8 lập di chúc định đoạt tài sản trên như sau:

“Khi tôi qua đời, con tôi là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963, CMND số 280338297 do Công an Bình Dương cấp ngày 18/10/2004 có quyền định đoạt một căn nhà cấp 4 tường gạch, mái lợp tôn, nền gạch (ngang 8 m², dài 05 m²), thuộc thửa 346 tờ bản đồ 33 diện tích 348 m² tọa lạc ấp B, xã L - huyện T - tỉnh Bình Dương do UBND huyện Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 01055 QSDĐ/TU ngày 22/11/2000 (số O939189) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T8” đồng thời con tôi là Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm trong nom tôi lúc ốm đau, bệnh tật và phải có trách nhiệm lo lắng khi tôi qua đời như chăm lo lễ lại, mồ mã ông, bà, cha, mẹ, tổ tiên.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, theo kết quả cung cấp chứng cứ của Ủy ban nhân dân xã L, Ủy ban nhân dân xã L là cơ quan lưu giữ chứng cứ cung cấp cho Tòa án bản photo Bản di chúc ngày 24/5/2007 của cụ Nguyễn Văn T8 được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 06/6/2007. Nội dung di chúc như sau:

“tôi tên Nguyễn Văn T8, sinh năm 1937 cùng vợ tôi là Nguyễn Thị T9, sinh năm 1939. Tôi có 02 phần ruộng: phần ruộng 2.700m² thuộc cánh đồng ông Cang xã Tân Mỹ, Tân Uyên, Bình Dương và phần ruộng 3.500m² thuộc cánh đồng T, xã L, T. Nay vợ chồng tôi làm bản di chúc này cho các con của tôi....Phần ruộng 3.500m² chia đều cho 04 đứa con gái...anh Nguyễn Văn Đ được hưởng số diện tích đất 2.700m² và căn nhà...”

Như vậy, sinh thời cụ T8 lập 03 di chúc, di chúc ngày 24/5/2007, di chúc ngày 19/02/2012 và di chúc ngày 24/12/2013.

[7] Theo kết quả xác minh ngày 26/5/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bắc Tân Uyên thể hiện:

+ Ngày 18/4/2011, cụ T8, cụ T9 cùng bà A, bà T2, bà T1 cùng ông Đ đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất 4.110m² đất trồng lúa cho bà Nguyễn Thị T3.

+ Hộ ông Nguyễn Văn T8 còn diện tích đất là 3.316m² đất lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00714QSDĐ/TU ngày 30/10/2000.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự xác định phần diện tích 3.500m² và 2.700m² được ghi trong Di chúc ngày 24/5/2007 đã được cụ T9, cụ T8 phân chia từ khi 02 cụ còn sống và cụ T8, cụ T9 chỉ có 01 căn nhà là căn nhà hiện đang tranh chấp tại thửa 346. Các thừa kế của cụ T8 và cụ T9 đều thống nhất phần đất ruộng 3.500m² phân chia cho các người con gái là Ánh, Tuyết, Thanh, Thỏa nhưng bán lại cho bà T3, hiện hay là phần đất 4.110m² mà bà T3 đứng tên quyền sử dụng đất. Phần 2.700m² hiện nay là phần đất của diện tích đất

3.316m² đất lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00714QSDĐ/TU ngày 30/10/2000 và hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng. Như vậy, Di chúc ngày 24/5/2007 có liên quan đến quyền lợi ông Đ đối với quyền sử dụng đất còn lại của cụ T8 và căn nhà. Tuy nhiên, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá. Đây là vụ án tranh chấp thừa kế tài sản, để giải quyết toàn diện vụ án, đảm bảo lẽ công bằng trong việc xác định di sản và phân chia di sản, Tòa án phải thu thập, xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, xác định rõ các tài sản do người chết tạo lập và để lại như thế nào? Khi họ còn sống đã phân chia cho các con chưa? Mỗi người được chia bao nhiêu? Tài sản còn lại sau khi họ chết gồm những gì, có được định đoạt hay chưa? Từ đó mới có đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp có phải là tài sản của người chết, là di sản thừa kế hay tài sản của ai, để tiến hành xem xét phân chia di sản cho phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của tất cả các đồng thừa kế. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[9] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ chấp nhận một phần.

[10] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 74, khoản 3 Điều 148, Điều 284, Điều 296, khoản 3 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

2. Chấp nhận kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 20/2020/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu. Hoàn trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ gồm bà Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Duy V, chị Nguyễn Thị Thùy D, chị Nguyễn Thị Phương C, chị Nguyễn Thị Cẩm T, chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Nguyễn Ngọc Q số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc

thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031156 ngày 06/10/2020 (do ông Hồ Xuân H nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- TAND huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết